

Bản án số: 152/2026/HSST
Ngày: 24-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyền

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở **Tòa án nhân dân khu vực 4** – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1062/2026/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn S; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 21/4/2007 tại thành phố Đà Nẵng; CCCD: 048207002179, cấp ngày: 11/5/2026, nơi cấp Bộ Công An. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: **Thôn Đ, xã H, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Văn L** (sinh năm: 1979) và con bà **Mai Thị Kim A**, sinh năm 1988; Gia đình có 3 anh em, Bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo có chưa có vợ con. Tiền án: chưa; tiền sự: chưa.

Bị cáo bị bắt 07/5/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Hòa Khánh thuộc **Công an thành phố Đ**. Có mặt

- Người bị hại: Bà **Mai Thị Kim A**, sinh năm: 1988, CCCD: 044188004917. Địa chỉ: **Tổ B, thôn E (nay là Thôn Đ), xã H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Hữu A**, sinh năm 2009, CCCD: 048209002431. Địa chỉ: **Số A T, tổ H phường A, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt

2. Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Nguyễn Hữu V**, sinh năm: 1973 và bà **Đặng Thị Kim Lệ T**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: **Số A T, phường A, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt

3. Bà **Lâm Kiều T1**, sinh năm: 2008, Địa chỉ: **4 L, phường T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

4. Người đại diện hợp pháp: Bà **Lâm Thị Thúy N**. Địa chỉ: **4 L, phường T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

5. Bà **Mai Ngọc H**, sinh năm: 2011, CCCD: 048311005862. Địa chỉ: **K T, phường L, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

6. Người đại diện hợp pháp: Ông **Mai K**, sinh năm 1979 và bà **Mai Thị N1**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **K T, phường L, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

7. Ông **Võ Hiếu T2**, sinh năm: 2006, CCCD: 048206008913. Địa chỉ: **P, khu C, phường S, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

8. Ông **Nguyễn Đức T3**, sinh năm 1995, CCCD: 049095004096. Địa chỉ: **K T, phường T, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

9. Ông **Trần Hữu T4**, sinh năm 1982, CCCD: 049082020248. Địa chỉ: **2 N, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

10. Ông **Nguyễn Đức Đ**, sinh năm 1997, CCCD: 048097007055. Địa chỉ: **E H, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

11. Ông **Mai Hắc H1**, sinh năm 1962, CCCD: 044062004250. Địa chỉ: **Tổ B, thôn E (nay là Thôn Đ), xã H, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 02/05/2026, khi **Lê Văn S** đang ngồi uống cà phê tại quán nước trên **đường N, thành phố Đà Nẵng** cùng với **Nguyễn Hữu Á** (sinh năm: 2009; trú tại: **Tổ C, phường A, TP Đà Nẵng**), **Lâm Kiều T1** (sinh năm: 2008, trú tại: **4 L, phường T, TP Đà Nẵng**), **Mai Ngọc H** (sinh năm: 2008, trú: **phường H, TP Đà Nẵng**) và **Tường A1** (sinh năm: 2011, trú: **đường L, Đà Nẵng**) thì **S** mượn điện thoại di động của **T1** nhắn tin cho mẹ ruột là bà **Mai Thị Kim A** để xin tiền nhưng bà **A** không cho nên **S** nảy sinh ý định trộm cắp tiền của bà **A** cất giữ trong két sắt để tiêu xài. Sau đó, **S** rủ nhóm bạn về nhà **S** chơi rồi **S** đặt Grab ô tô cùng nhóm bạn đi từ quán cà phê về nhà bà **A**. Trên xe **G1**, **S** có nói riêng cho một mình **Á** biết mục đích về nhà là để trộm tiền và rủ **Á** tham gia thì được **Á** đồng ý. Khi đến trước nhà bà **A** ở **thôn E, xã H, thành phố Đà Nẵng** thì cả nhóm xuống xe. Lúc này, **S** nói cả nhóm đứng ở ngoài đường chờ còn **S** đi vào nhà ông **Mai Hắc H1** (ông ngoại của **S**) để đi vòng ra phía sau nhà bà **A** (do hai nhà thông với nhau). Khi đến cửa sau nhà bà **A**, **S** dùng hai tay kéo mạnh làm mảnh tôn của cửa bung ra. Sau đó, **S** đi ra phía trước gọi **Á** trèo qua cổng sắt nhà bà **A** để đi vào bên trong rồi cùng **S** ra phía sau. Lúc này, **Á** đứng ngay cửa sau cảnh giới còn **S** vào trong nhà rồi đi vào phòng ngủ của bà **A** để mở mật khẩu két sắt lấy trộm tài sản nhưng không được nên đi sang nhà ông bà ngoại lấy 01 cái búa và 01 cái đục bằng sắt và cùng **Á** đi vào trong nhà thì **Á** đứng ngoài phòng bếp cảnh giới, còn **S** vào trong phòng ngủ bà **A** dùng búa và đục phá két sắt. Sau khi phá được két sắt, **S** nhìn bên trong két sắt thấy có một bao ni lông màu đen bên trong có tiền mặt và 01 cái mặt dây chuyền hình móng có bọc vàng bên ngoài nên trộm cắp bỏ vào trong túi quần bên trái rồi cùng **Á** đi ra. Tiếp đó, **S** bắt xe **G** cho cả nhóm về quán cà phê bên hông **siêu thị B**, đường Ông **Ích K1** để uống nước. Ngồi một lúc thì

những người khác đi về, còn S^{rũ} A^{cùng} đi mua áo quần trên đường L hết khoảng 10.000.000 đồng và S^{đã} sử dụng số tiền vừa trộm cắp được để thanh toán. Mua áo quần xong, S^{và} A^{đón} G¹ về nhà nghỉ A², địa chỉ G N, T, Đà Nẵng để ngủ. Tại đây, S^{lấy} tiền trong bao ni lông ra để đếm, cộng thêm số tiền mà S^{đã} lấy ra để sử dụng trước đó thì được tổng số tiền 50.000.000 đồng; gồm 60 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. S^{cho} A^{5.000.000} đồng và đưa cái mặt dây chuyền để A^{giữ} giúp nhưng A^{trả} lại 5.000.000 đồng, chỉ nhận giữ giúp S^{mặt} dây chuyền. Sau đó, S^{và} A^{đi} G¹ đến quán nước bên hông siêu thị B gặp T¹ và H rồi cả nhóm đi nhậu tại quán K3 ở đường P, phường S, Đà Nẵng hết 2.000.000 đồng, S^{đã} sử dụng số tiền trộm cắp được để trả số tiền này.

Đến khoảng 07 giờ ngày 03/05/2026, S^{lấy} điện thoại của A^{để} đặt mua trên mạng 01 cái điện thoại Iphone 14 trên mạng với giá 6.000.000 đồng rồi gọi điện cho V^õ H^{iếu} T² nhờ chở đi mua xe thì anh Trai đồng ý. Khi gặp S[,] anh Trai hỏi S^ở đâu mà có tiền mua xe thì S^{nói} dối là tiền mẹ cho. Một lúc sau, anh Trai đi xe máy đến nhà nghỉ để chở S^{đến} cửa hàng xe máy ở đường T, tại đây S^{mua} 01 xe máy hiệu Suzuki Raider màu đen với giá 30.000.000 đồng rồi quay lại nhà nghỉ thì một lúc thì có một người đem điện thoại tới giao cho S[.] S^{kiểm} tra thấy đúng điện thoại Iphone 14 đã đặt mua nên trả tiền rồi nhận máy. Đến tối ngày 04/5/2026, S^{và} A^{đi} dự sinh nhật bạn tại quán O^{trên} đường N, tại đây S^{tiếp} tục sử dụng số tiền trộm cắp được trả số tiền 2.000.000 đồng cho buổi sinh nhật này. Khi đi từ quán nhậu về nhà nghỉ thì S^{đã} làm rơi mất điện thoại Iphone 14, còn A^{thì} làm rơi mất cái mặt dây chuyền.

Đến ngày 05/5/2026, S^{và} A^{bị} Công an phát hiện đưa về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan Công an, L^ê V^{ăn} S ^{và} N^{guyễn} H^{ữu} A^{đã} khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 99/2026/CT- VKS ngày 31/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo L^ê V^{ăn} S ^{về} tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo L^ê V^{ăn} S ^{phạm} tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt L^ê V^{ăn} S ^{từ} 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki số loại: Raider, biển kiểm soát 43C1-940.24, màu: đen-cam số khung RLSDL11ANKV133261; số máy: CGA1533680; trên yếm xe có dán tem in chữ

“Suzuki Satria F150”; dung tích xi lanh 147.3cm³, năm sản xuất: 2019, tình trạng: Đã qua sử dụng. Vật chứng hiện nay đang tạm giữ tại Kho vật chứng và tài liệu đồ vật Phân Trại tạm giam **Hòa K2** thuộc Trại tạm giam số 1, **Công an thành phố Đà Nẵng** lưu giữ theo phiếu nhập kho ngày 21/8/2026

- Đối với 01 cái búa cán làm bằng gỗ dài 39cm và 01 thanh kim loại dài 35cm, một đầu đập dẹp Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông **Mai Hắc H1** theo Quyết định xử lý vật chứng số A3235/QĐ-VPCQCSĐT ngày 20/7/2026 là có cơ sở.

Bị cáo **Lê Văn S** thừa nhận hành vi phạm tội của mình là Trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an T** khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng truy tố, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo **S** rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo **S** đã khai nhận: Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 02/5/2026, tại **thôn E, xã H, thành phố Đà Nẵng**, **Lê Văn S** rủ rê **Nguyễn Hữu A** (chưa đủ 18 tuổi) trộm cắp của bà **Mai Thị Kim A** (mẹ của **S**) số tiền 50.000.000 và 01 mặt dây chuyền hình móng gấu được bọc vàng 98 bên ngoài, trọng lượng 1,5 chỉ vàng có trị giá là 22.995.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 72.995.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở

của chính mẹ bị cáo, lén lút cùng Nguyễn Hữu Ân thực hiện hành vi trộm cắp với tổng giá trị 72.995.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong nhân dân trên địa bàn TP. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, Lê Văn S là người khởi sự, rủ rê Nguyễn Hữu Ân thực hiện hành vi phạm tội, S là người trực tiếp phá kết sắt, lấy tài sản sau đó bị cáo sử dụng phần lớn tài sản trộm cắp được. Nguyễn Hữu Ân sau khi được S rủ rê trộm cắp thì đồng ý và tham gia tích cực với vai trò cảnh giới, bị cáo được S mua quần áo và rủ đi nhậu từ tiền trộm cắp được. Do đó hình phạt dành cho S phải cao hơn của Ân mới phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo S rủ rê Nguyễn Hữu Ân là chưa đủ 18 tuổi cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, người bị hại cũng là mẹ của bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S do đó đủ cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại bà Mai Thị Kim A không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Bà Mai Thị Kim A có yêu cầu được nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Raider, biển kiểm soát 43C1-940.24. Tuy nhiên căn cứ theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự thì chiếc xe máy trên là vật được mua bán từ tiền trộm cắp mà có do đó cần phải tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki số loại: Raider, biển kiểm soát 43C1-940.24, màu: đen-cam số khung RLSDL11ANKV133261; số máy: CGA1533680; trên yếm xe có dán tem in chữ “Suzuki Satria F150”; dung tích xi lanh 147.3cm³, năm sản xuất: 2019, tình trạng: Đã qua sử dụng. Vật chứng hiện nay đang tạm giữ tại Kho vật chứng và tài liệu đồ vật Phân Trại tạm giam Hòa K2 thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ lưu giữ theo phiếu nhập kho ngày 21/8/2026

[7] Đối với hành vi trộm cắp của Nguyễn Hữu Ân, tại thời điểm phạm tội Ân chưa thành niên nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ tách ra vụ án khác và đã bị Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử tại bản án hình sự số 153/2026/HSST ngày 24/8/2026 do đó không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của Lê Văn S: Theo Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 09/07/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã H xác định: 01 kết sắt nhãn hiệu Goden, màu xám, kích thước

50x37x77cm có giá trị thiệt hại tại thời điểm vào ngày 02/5/2026 là 1.458.000 đồng; 01 cánh cửa bằng kim loại, kích thước 203x80cm, cửa đã qua sử dụng có giá trị thiệt hại tại thời điểm vào ngày 02/5/2026 là 100.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 1.558.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Vì thế, ngày 13/7/2026 Công an xã H đã xử phạt Lê Văn S về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là kết sắt và cánh cửa bằng kim loại có tổng giá trị thiệt hại là 1.558.000 đồng với hình thức phạt tiền 4.000.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPHC là có căn cứ.

[9] Đối với Võ Hiếu T2 – người đã chở Lê Văn S đi mua 01 xe máy hiệu Satria màu đen với giá 30.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra xác định, Võ Hiếu T2 không biết số tiền Lê Văn S sử dụng để mua xe máy hiệu Satria trên là số tiền do S thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Võ Hiếu T2 là có căn cứ.

[10] Đối với Lâm Kiều T1 và Tường A1: Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Bên cạnh đó, qua quá trình làm việc với Lê Văn S và Nguyễn Hữu Ân đều khai nhận T1 và A1 không biết, không liên quan đến hành vi trộm cắp của S và Ân nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[12] Án phí HSST bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 07/5/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki số loại: Raider, biển kiểm soát 43C1-940.24, màu: đen-cam số khung RLSDL11ANKV133261; số máy: CGA1533680; trên yếm xe có dán tem in chữ “Suzuki Satria F150”; dung tích xi lanh 147.3cm³, năm sản xuất: 2019, tình trạng: Đã qua sử dụng. Vật chứng hiện nay đang tạm giữ tại Kho vật chứng và tài liệu đồ vật Phân Trại tạm giam Hòa K2 thuộc Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Đ lưu giữ theo phiếu nhập kho ngày 21/8/2026.

3. Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: 200.000 đồng bị cáo Lê Văn S phải chịu.

Báo bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện cho người có quyền lợi liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 4 - Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh